TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2019
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân **:** 1/ Bà **Trần Thị Tuyết Mai**
2/ Ông **Nguyễn Hữu Phúc**

Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Cảnh** – Thư ký TAND thị xã Cai Lậy.

Đại diện VKSND thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Trà My**, KSV.

Ngày 11/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2017/TLST- HNGĐ ngày 19/7/ 2019 về việc " ly hôn" theo quyết định xét xử số 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Anh Đặng Thái B, sinh 1987 (có đơn xin vắngmặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, Tiền Giang.
Bị đơn : Chị Trần Thị T, sinh 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Đặng Thái B trình bày:*

Anh và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh, thị xã Cai lậy, Tiền Giang. Sau khi kết hôn, trong thời gian chung sống với nhau, hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị T không quan tâm, chia sẽ cuộc sống vợ chồng, không tôn trọng gia đình anh, mặc dù anh đã vì con cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ đó mâu thuẩn lại càng trầm trọng hơn, Anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 người tên Đặng Hữu N, sinh ngày 07/02/2010, Đặng Hoàng M, sinh ngày 06/7/2013 và Đặng Hòa T1, sinh ngày 07/6/2017 hiện đang do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trước đây Tòa án có hòa giải, hai người thống nhất giao cháu Đặng Hoàng M cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Đặng Hữu N và Đặng Hòa T1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi người 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi khi trưởng thành và có khả năng lao động. Sau khi hòa giải thành thì về nhà chị T giao các con cho anh và đi làm cho đến nay nên anh làm đơn xin thay đổi ý kiến của buổi hòa giải về việc hòa giải thành.

** Tại đơn bản tư khai, biên bản hòa giải bi đơn chị Trần Thị T trình bày:* Chị thống nhất với anh B về quá trình kết hôn, chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn mặc dù hai bên tạo cơ hội cho nhau để hàn gắn tình cảm mà lo cho các con nhưng không có kết quả do anh B không cùng chị chăm lo cuộc sống gia đình nên cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 03 người tên Đặng Hữu N, sinh ngày 07/02/2010, Đặng Hoàng M, sinh ngày 06/7/2013 và Đặng Hòa T1, sinh ngày 07/6/2017. Sau khi ly hôn, giao cháu Đặng Hoàng M cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Đặng Hữu N và Đặng Hòa T1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi người 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Sau khi anh B thay đổi ý kiến về việc hòa giải thành đến nay chị T không đến dự phiên hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần 2 chị vẫn vắng mặt mặc dù được tống đạt hợp lệ.

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01 ngày 24/9/2009 do UBND xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, Tiền Giang cấp và lời trình bày của anh Đặng Thái B và chị Trần Thị T thì anh B và chị T tự nguyện kết hôn với nhau, **c**ó đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa anh B và chị T được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh B xin ly hôn với chị T thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị T từ khi anh B thay đổi ý kiến về việc hòa giải thành đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh B có đơn xin vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh B và chị T từ khi chung sống đến nay đã có 03 con chung, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống mặc dù anh chị cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả mà mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Anh B cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T. Đối với chị T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, trước đây chị cũng đồng ý ly hôn với anh B nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này.

- Về con chung: Có 03 người tên Đặng Hữu N, sinh ngày 07/02/2010, Đặng Hoàng M, sinh ngày 06/7/2013 và Đặng Hòa T1, sinh ngày 07/6/2017 hiện đang do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T đã giao 03 con chung cho anh B nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục nên cần tiếp tục giao cho anh B. Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.
- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Đặng Thái B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;.

Tuyên xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Thái B.

Anh Đặng Thái B được ly hôn với chị Trần Thị T.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Đặng Hữu N, sinh ngày 07/02/2010, Đặng Hoàng M, sinh ngày 06/7/2013 và Đặng Hòa T1, sinh ngày 07/6/2017 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không xem xét.
- Về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đặng Thái B phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000010 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Anh B, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ .

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Long Khánh, TXCL,
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng